

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

ĐỀ TÀI

**“PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC CHO HỌC SINH
TRONG BÀI 8 – LIÊN BANG NGA – TIẾT 1: TỰ NHIÊN,
DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI – LỚP 11”**

Môn: ĐỊA LÍ

Cấp học: THPT

Tên Tác giả: **Lê Văn Hoàn**

Đơn vị công tác: Trường THPT Trung Văn

Chức vụ: Tổ phó chuyên môn

NĂM HỌC: 2021-2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
PHẦN NỘI DUNG	3
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ 11	3
1.1. Cơ sở lý luận.....	3
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	4
1.3. Thực trạng của vấn đề.....	5
CHƯƠNG II: THIẾT KẾ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC TRONG BÀI 8 - LIÊN BANG NGA - TIẾT 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI - ĐỊA LÍ 11	7
2.1. Mục tiêu.....	7
2.2. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học chủ yếu.....	8
2.3. Chuẩn bị.....	8
2.4. Kiến thức trọng tâm.....	8
2.5. Các hoạt động dạy và học chủ yếu.....	8
CHƯƠNG III: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	16
3.1. Mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc thực nghiệm.....	16
3.2. Tổ chức thực nghiệm.....	16
3.3. Nhận xét kết quả thực nghiệm.....	17
PHẦN KẾT LUẬN	17
1. Ý nghĩa của đề tài.....	17
2. Kiến nghị, đề xuất.....	18
PHỤ LỤC	20

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế với những ảnh hưởng của xã hội tri thức, cuộc cách mạng 4.0 và xu thế toàn cầu hoá tạo ra những cơ hội nhưng đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục trong việc tạo ra các “công dân toàn cầu”. Đặc biệt là trong thời đại ngày nay, khi mà khoa học công nghệ đang phát triển như vũ bão thì vai trò của giáo dục ngày càng quan trọng trong công tác đào tạo thế hệ trẻ đáp ứng yêu cầu mới của xã hội.

Để đáp ứng những đòi hỏi này của xã hội, giáo dục Việt Nam đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế- xã hội thế giới ... Trong đó đổi mới phương pháp dạy học là trong những hướng ưu tiên mà nhiều năm qua toàn ngành giáo dục thực hiện nhằm khắc phục những hạn chế trong lối dạy học hàn lâm trước đây, đưa giáo dục Việt Nam tiến những bước dài trong hội nhập với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

Giáo dục phổ thông nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học. Để đảm bảo được điều đó, nhất định phải thực hiện thành công việc chuyển từ phương pháp dạy học theo lối "truyền thụ một chiều" sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất cho học sinh.

Trong các loại năng lực cần hình thành cho học sinh phổ thông thì năng lực hợp tác là một trong những năng lực rất quan trọng để tạo ra các thế hệ *công dân toàn cầu*. Năng lực hợp tác cho thấy khả năng làm việc hiệu quả của cá nhân trong mối quan hệ với tập thể, trong mối quan hệ tương trợ lẫn nhau để cùng hướng tới một mục đích chung. Đây là một năng lực rất cần thiết trong xã hội hiện đại, khi chúng ta đang sống trong một môi trường, một không gian rộng mở của quá trình hội nhập.

Trong bộ môn Địa lí có rất nhiều vấn đề cần khai thác để làm tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh, giúp học sinh phát triển các năng lực của bản thân. Tuy nhiên việc phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong dạy học Địa lí nói chung vẫn chưa được nhiều giáo viên chú trọng. Dẫn đến việc sau khi rời khỏi ghế nhà trường, tham gia vào các hoạt động cộng đồng, thanh niên- học sinh Việt Nam thiếu kỹ năng làm việc hợp tác, khó hòa đồng trong các công việc tập thể nên hiệu quả công việc không cao. Với tất cả những lí do nêu trên, tôi đã chọn đề tài: ***“Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong bài 8 – Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội – lớp 11”*** nhằm góp một phần tư liệu cho việc giảng dạy bộ môn Địa lí phù hợp với xu hướng phát triển năng lực của học sinh theo định hướng đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Năng lực hợp tác và các phương pháp dạy học hình thành năng lực hợp tác cho học sinh – qua bài 8 Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội – lớp 11.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục năng lực hợp tác cho học sinh qua bài 8 Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội – lớp 11.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp nhằm rèn luyện, phát triển năng lực hợp tác cho HS thông qua qua bài 8 Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội – lớp 11, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí ở trường THPT.

Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài về phát triển năng lực hợp tác của học sinh THPT.

- Nghiên cứu các PPDH theo hướng tích cực nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh THPT.

- Các biện pháp sử dụng một số PPDH tích cực trong dạy học qua bài 8 Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội – lớp 11, nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh.

- Thực nghiệm sư phạm nhằm xác định tính hiệu quả và tính khả thi của các đề xuất về phát triển năng lực hợp tác cho HS THPT.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phân tích, tổng hợp các cơ sở lý luận liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Điều tra, thăm dò lấy ý kiến của giáo viên, học sinh về năng lực hợp tác của học sinh trong dạy học môn Địa lí.

- Thực nghiệm sư phạm: Tiến hành thực nghiệm sư phạm bước đầu kiểm nghiệm tính hiệu quả, khả thi của những đề xuất.

- Xử lý kết quả thực nghiệm bằng phương pháp thống kê toán học.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ 11

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm về năng lực và năng lực hợp tác

Năng lực được hiểu là khả năng thực hiện thành công hoạt động trong một bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí...

Có rất nhiều năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh trong quá trình dạy học, bao gồm: năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo (năng lực tư duy); năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực hợp tác.

Năng lực hợp tác (NLHT) là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và biết cách cùng làm việc, lắng nghe và quan tâm tới các quan điểm khác nhau; hiểu biết và quan tâm tới nhau; giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau, phát huy thế mạnh của mỗi thành viên trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

NLHT được cấu thành bởi ba yếu tố: kiến thức hợp tác, kỹ năng hợp tác và thái độ hợp tác. Trong các yếu tố cấu thành NLHT thì kỹ năng hợp tác là yếu tố quan trọng nhất. Muốn làm tốt bất kỳ công việc gì, con người cũng phải có kỹ năng. Kỹ năng không chỉ đòi hỏi con người có phải có những hiểu biết đúng đắn và các kinh nghiệm cần thiết về đối tượng mà phải biết vận dụng vốn hiểu biết và kinh nghiệm đó để hành động đúng, đạt kết quả cao. Con người khi sinh ra chưa có kỹ năng. Trải qua quá trình rèn luyện, kỹ năng dần trở nên thành thục, uyển chuyển và là “tài sản” quý giá nhất của mỗi người. Vì vậy trong đề tài này tôi đi sâu vào phát triển các kỹ năng hợp tác cho học sinh, từ việc phát triển được các kỹ năng hợp tác học sinh cũng sẽ có kiến thức và thái độ đúng đắn trong quá trình hợp tác.

1.1.2. Phát triển năng lực hợp tác trong dạy học Địa lí

Trong bộ môn Địa lí, NLHT được coi là một trong những năng lực cốt lõi, quan trọng cần hình thành cho HS. Hình thành và phát triển năng lực hợp tác trong dạy học Địa lí là kiểu dạy học bám sát với đặc trưng bộ môn phát huy được tính chủ động tích cực của người học. Nó đem lại hiệu quả làm việc tốt hơn so với cách dạy thông thường; đặc biệt với bài học đòi hỏi kỹ năng, sự đánh giá, kinh nghiệm phức tạp.

Với bộ môn Địa lí, năng lực hợp tác được hiểu là cùng tìm hiểu, phân tích, giải thích các vấn đề địa lí tự nhiên, kinh tế- xã hội; cùng giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra từ các hiện tượng địa lí; xác định các mối quan hệ nhân quả Địa lí...

Phải làm thế nào để có thể phát huy được năng lực hợp tác cho học sinh trong bộ môn Địa lí? Trong khi môn học này có tính đặc thù là một bộ môn “lưỡng tính”, vừa mang đặc trưng cảm tính của khoa học xã hội, vừa mang đặc trưng lí tính của khoa học tự nhiên. Theo tôi, có thể thực hiện được điều đó khi sử dụng đa dạng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

Thứ nhất, sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm. Thông thường, chỉ những hoạt động đòi hỏi sự phối hợp của các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn hoạt động cá nhân thì mới nên sử dụng phương pháp này. Dạy học nhóm thường được áp dụng để đi sâu, luyện tập, củng cố một chủ đề đã học hoặc cũng có thể tìm hiểu một chủ đề mới.

Thứ hai, sử dụng phương pháp dạy học theo dự án. Dạy học theo dự án (DHDA) là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu.

Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. (DHDA) có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau.

Có khi là sự phân loại theo chuyên môn (dự án nội môn, dự án liên môn, dự án ngoài chuyên môn); có khi là sự phân loại theo quỹ thời gian (một số giờ học, 1 tuần, hai tuần hay một tháng); có khi là sự phân loại theo nhiệm vụ. (DHDA) sẽ kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học; rèn luyện năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp; rèn luyện năng lực cộng tác làm việc...

Thứ ba, sử dụng lược đồ, sơ đồ bảng biểu, mô hình, video... (gọi chung là kênh hình). Kênh hình là một dạng kênh thông tin rất thú vị: Ngôn ngữ kênh hình vừa cụ thể, trực quan, chi tiết lại vừa có tính khái quát, trừu tượng và hệ thống cao. Khi chúng ta đưa ra những kênh hình để các nhóm làm việc, học sinh sẽ hứng thú hơn bởi mỗi lần giải quyết, hoàn thành một kênh hình, học sinh sẽ có cảm giác như mình được tham gia vào một trò chơi thú vị.

Thứ tư, sử dụng bản đồ tư duy (mindmap). Đây là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Ở giữa bản đồ là một ý tưởng hay một hình ảnh trung tâm. Ý tưởng hay hình ảnh trung tâm này sẽ được phát triển bằng các nhánh tượng trưng cho các ý chính và đều được nối với các ý trung tâm. Khi cả nhóm học sinh cùng suy nghĩ để hoàn thiện bản đồ tư duy thì sẽ tiết kiệm thời gian, công sức; cung cấp bức tranh tổng thể; tổ chức và phân loại suy nghĩ; ghi nhớ tốt hơn, kích thích tiềm năng sáng tạo; sử dụng rộng rãi, hiệu quả và dễ dàng ở nhiều lĩnh vực.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ tư duy theo nhiều mục đích khác nhau: giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức tổng hợp về bài học, gợi mở, kích thích quá trình tìm kiếm kiến thức của học sinh, củng cố, khái quát bài học của học sinh. Biện pháp này thích hợp cả các bài học địa lí tự nhiên lẫn Địa lí kinh tế- xã hội, đặc biệt là các nội dung thể hiện mối quan hệ nhân quả trong Địa lí, các tiết ôn tập tổng hợp kiến thức của các chủ đề, các chương.

Tóm lại, đây có thể chưa phải là những phương pháp và kĩ thuật dạy học tối ưu nhất, triệt để nhất để phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong bộ môn Địa lí. Nhưng tôi thiết nghĩ, nếu chúng ta biết sử dụng chúng linh hoạt, nhuần nhuyễn, đúng thời điểm, có kế hoạch dài hơi thì vừa khai thác được đặc thù bộ môn Địa lí, vừa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; kết hợp giữa dạy học truyền thống và dạy học tích cực. Để từ đó học sinh phát triển được năng lực hợp tác, tạo tiền đề để có thể thành công trong tương lai.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, để tích cực chủ động chuẩn bị cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa, Sở Giáo dục- đào tạo đã tổ chức nhiều cuộc tập huấn đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực cho HS, trong đó có năng lực hợp tác.

Ở các trường phổ thông, các tổ nhóm chuyên môn đã tiến hành sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung đổi mới PPDH đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục trong nước và hội nhập vào nền giáo dục thế giới. Cơ sở vật chất của các nhà trường được đầu tư và hoàn thiện. Các trường đều có phòng học với hệ thống

máy tính hiện đại, được trang bị nhiều máy chiếu, mạng wifi. Học sinh được làm quen và tiếp xúc với công nghệ. Đa số các em đều có điện thoại thông minh, có tài khoản facebook, zalo, teams...

Hiện nay, dù đã có một số nghiên cứu về nâng cao hiệu quả phát triển các năng lực cho HS, đặc biệt là năng lực hợp tác, nhưng các công trình nghiên cứu về áp dụng các PPDH tích cực để phát triển năng lực hợp tác cho HS qua môn Địa lý thì còn rất ít ỏi. Do đó cần có nhiều hơn những đề tài cụ thể nghiên cứu về khía cạnh này để việc dạy học phát triển năng lực hợp tác trong môn Địa lý đạt hiệu quả cao hơn nữa.

1.3. Thực trạng của vấn đề

Trải qua thực tế nhiều năm dạy học Địa lý ở trường THPT của bản thân, thông qua các tiết dự giờ của đồng nghiệp, qua lắng nghe, tham khảo ý kiến phản hồi của học sinh, tôi nhận thấy việc dạy học hình thành và phát triển năng lực hợp tác cho học sinh vẫn chưa hiệu quả. Hầu hết các giáo viên khi lên lớp thường chỉ quan tâm đến truyền thụ hết kiến thức trong SGK cho học sinh mà quên mất nhiệm vụ quan trọng là cần “truyền lửa”, rèn luyện cho các em năng lực cần thiết, đặc biệt là năng lực hợp tác cho HS.

Trước khi tiến hành dạy học thực nghiệm nhằm mục tiêu phát triển năng lực hợp tác cho HS, tôi đã làm một cuộc khảo sát, điều tra tình hình để tìm hiểu thực trạng tổ chức áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục năng lực này trong dạy học Địa lý cho học sinh ở trường THPT Trung Văn.

Tiêu chí		Mức độ	Kết quả
1. Theo thầy (cô) việc đưa nội dung giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT là		Rất cần thiết	100%
2. Theo thầy (cô), mục đích giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT là		Nâng cao kĩ năng sống	86%
3. Theo thầy (cô), nội dung giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT nên được tổ chức một cách		Thường xuyên	60%
4. Các phương pháp dạy học mà thầy (cô) thường sử dụng khi giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT là	Phương pháp truyền thống: phương pháp giảng giải, thuyết trình, nêu vấn đề...	Thường xuyên	60%
	Phương pháp dạy học tích cực: Nhóm, dự án, đóng vai, trò chơi, động não, trực quan, thực địa.....	Thường xuyên	40%
5. Theo thầy (cô), ai là người có trách nhiệm giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác cho HS ở trường THPT?		Tất cả các giáo viên	100%
6. Khó khăn thường gặp khi thầy (cô) tiến hành giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT là		Thiếu cơ sở, vật chất, phương tiện dạy học tích cực, thời gian, kinh phí.	50%

7. Những thuận lợi khi thầy (cô) tiến hành giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT là	Sự quan tâm của nhà trường, sự đa dạng của thông tin đại chúng, xu thế toàn cầu hóa...	60%
---	--	-----

Qua kết quả điều tra ta có thể nhận thấy được: nhìn chung vấn đề giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT có áp dụng các phương pháp dạy học tích cực là việc làm cần thiết được các giáo viên quan tâm nhưng hiệu quả chưa được như mong đợi. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là:

Thứ nhất là hầu hết giáo viên chỉ quan tâm đến nội dung của sách giáo khoa. Coi đây là nguồn kiến thức Địa lí duy nhất cần truyền thụ hết cho học sinh. Dẫn đến tình trạng dạy học đọc - chép, giờ học trở nên khô cứng, không lôi cuốn sự tham gia tích cực vào quá trình khám phá, lĩnh hội kiến thức của học sinh. Do đó hiệu quả giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lí ở trường THPT không như mong muốn.

Thứ hai do phương tiện dạy học ở các nhà trường còn thiếu thốn nhiều. Các thiết bị hỗ trợ thực hiện các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Địa lí còn hạn chế; không gian lớp học chật hẹp, số lượng học sinh trong một lớp đông nên chưa thể giúp giáo viên tiến hành phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực một cách thuận lợi. Mặt khác do đời sống một bộ phận cán bộ giáo viên còn nhiều khó khăn nên chưa đầu tư thỏa đáng việc đổi mới phương pháp dạy học.

Thứ ba là có nhiều giáo viên nhận thức đầy đủ nội dung giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT, có phương pháp và kỹ thuật dạy học phong phú nhưng ngại sử dụng vì sợ mất thời gian, sử dụng qua loa, sơ sài cho có. Hoặc có sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực thì thường là giờ thao giảng, còn giờ học bình thường trên lớp họ để học sinh tự tìm hiểu qua SGK mà chưa quan tâm đến hình thành các kỹ năng, truyền cảm hứng cho các em.

Thứ tư là nội dung giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT trong SGK hiện hành chưa rõ ràng nên giáo viên rất khó khi tiến hành các phương pháp dạy học phù hợp để khai thác một cách sâu sắc, có hiệu quả các nội dung này cho học sinh. Do đó nhiều giáo viên dù rất trăn trở muốn nâng cao hiệu quả giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lý ở trường THPT cho các công dân tương lai của đất nước nhưng còn rất lúng túng. Vì vậy, dù giáo viên rất cố gắng nhưng thực trạng giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học địa lí ở trường THPT hiện nay trong nhà trường đa phần còn tẻ nhạt, thiếu hấp dẫn, hiệu quả không cao.

Thứ năm là đa phần các em học sinh còn thụ động, các kỹ năng tập thể hạn chế, một số học sinh ngại làm việc nhóm, ỷ lại cho các bạn học khá, chưa có tinh thần đồng đội (đây là điểm yếu chung của học sinh Việt Nam so với học sinh các nước trên thế giới). Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng khiến cho việc giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hiệu quả không như mong đợi.

Xuất phát từ những nguyên nhân trên dẫn đến một hậu quả giờ dạy học Địa lí ở trường THPT còn nặng về lí thuyết, việc đổi mới phương pháp dạy học có diễn ra nhưng chưa nhiều và chưa thật hiệu quả. Vấn đề áp dụng các phương pháp dạy học tích cực thường chỉ mới được sử dụng trong các tiết thao giảng có người dự giờ và sử dụng chỉ mang tính hình thức là có sử dụng cho hợp lệ. Kết quả là học sinh chỉ quen

học thuộc lòng câu chữ, không hiểu bản chất vấn đề, chưa rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực cho học sinh. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng để học sinh không thích học Địa lí, không hứng thú với việc tìm hiểu các bài học Địa lí, trong đó nội dung giáo dục hình thành và phát triển năng lực hợp tác vào trong dạy học Địa lí ở trường THPT không phải là một ngoại lệ.

Như vậy, qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn tôi khẳng định rằng việc phát triển năng lực cho học sinh trong dạy Địa lí nói chung và bài “*Bài 8: Liên Bang Nga*” nói riêng ở trường phổ thông là điều quan trọng và rất cần thiết, do vậy người giáo viên phải luôn tìm tòi, nghiên cứu thêm các tài liệu mới về phương pháp dạy học cũng như phát triển năng lực cho học sinh để gây hứng thú cho học sinh, nâng cao hiệu quả bài học, góp phần phát triển các năng lực cốt lõi cho HS, nhất là năng lực hợp tác.

CHƯƠNG II: THIẾT KẾ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC TRONG BÀI 8 - LIÊN BANG NGA - TIẾT 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI - ĐỊA LÍ 11

2.1. Mục tiêu

Sau bài học, học sinh đạt được:

2.1.1. Kiến thức:

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Liên Bang Nga.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đánh giá được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của Liên Bang Nga.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư tới sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên Bang Nga.

2.1.2. Kỹ năng:

- Sử dụng bản đồ để phân tích và đánh giá các đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư của Liên Bang Nga.
- Phân tích số liệu, tư liệu để thấy được sự biến động dân số của Liên Bang Nga.
- Thu thập thông tin, hoạt động nhóm, thuyết trình, báo cáo kết quả làm việc nhóm trước lớp.

2.1.3. Thái độ

- Khâm phục tinh thần sáng tạo và sự đóng góp lớn lao của người Nga trong các lĩnh vực đối với sự phát triển thế giới.

2.1.4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù môn Địa Lí:

- + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Liên Bang Nga trên bản đồ. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đánh giá được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư tới sự phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tìm hiểu địa lí: Tìm kiếm thông tin trên các phương tiện đại chúng, sách báo, mạng internet... để cập nhật các số liệu mới như diện tích rừng, số dân... các kênh thông tin có thể tìm kiếm và khai thác như: <https://www.gso.gov.vn>, <https://www.data.worldbank.org>

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để khai thác: lược đồ địa hình, khoáng sản, khí hậu, phân bố dân cư... các bảng số liệu về diện tích tự nhiên, diện tích rừng, số dân...

2.2. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học chủ yếu

2.2.1 Phương pháp dạy học

- Phương pháp đàm thoại gợi mở.
- Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.
- Phương pháp dạy học theo nhóm.
- Sử dụng phương tiện trực quan: bản đồ, bảng số liệu, video, tranh ảnh.

2.2.2 Kỹ thuật dạy học

- Kỹ thuật động não.
- Kỹ thuật tổ chức trò chơi (Game show).

2.3. Chuẩn bị

2.3.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Chuẩn bị các tư liệu chuẩn để HS thực hiện nhiệm vụ của nhóm.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng trên powerpoint.
- Những hình ảnh đặc trưng về đất nước Liên Bang Nga.

2.3.2. Chuẩn bị của học sinh

- Tìm hiểu trước nội dung bài học về đặc điểm vị trí địa lí, lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và đặc điểm về dân cư xã hội LB Nga.
- Chuẩn bị các tranh ảnh, bản đồ, số liệu...

2.4. Kiến thức trọng tâm

- Đất nước rộng lớn, diện tích lớn nhất thế giới. Nằm ở cả hai châu lục Á-Âu; có biên giới chung với nhiều quốc gia.

- Thiên nhiên phân hóa đa dạng, giàu tiềm năng tạo động lực cho sự phát triển một nền kinh tế toàn diện.

- Dân số đông nhưng đang giảm dần. Phân bố chủ yếu ở khu vực phía Tây (đồng bằng Đông Âu).

- Nga là đất nước có nền văn hóa cao và tiềm lực khoa học.

2.5. Các hoạt động dạy và học chủ yếu

2.5.1. Hoạt động khởi động: (2 phút)

Trong những tiết trước chúng ta đã tìm hiểu về EU trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới.

Hôm nay thầy và các em cùng tìm hiểu sang một quốc gia mới.

Cả lớp cùng hướng lên màn hình theo dõi những hình ảnh: búp bê Matrioska, rừng bạch dương, đêm trắng và hồ Baican (Phụ lục 1) => Các hình ảnh trên gợi cho các em đến với nước... **Nga**.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nhân dân Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Liên Xô. Ngày nay, quan hệ hai nước đang mở rộng và có nhiều triển vọng tốt đẹp. Và hôm nay thầy trò chúng ta sẽ đến với

một đất nước diện tích rộng lớn-giàu tài nguyên, đất nước của những cánh rừng Taiga bạt ngàn- những dòng sông thơ mộng đó là đất nước **LIÊN BANG NGA**.

2.5.2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước Liên Bang Nga (8 phút)**

- **Mục tiêu:**

- + Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Liên Bang Nga trên bản đồ.
- + Rèn luyện kỹ năng khai thác: bản đồ, hình ảnh và bảng số liệu về Liên Bang Nga.

- **Phương pháp:** đàm thoại gợi mở.

- **Năng lực hình thành cho học sinh:** Sử dụng bản đồ, sử dụng bảng số liệu thống kê.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung trình chiếu	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị bài ở nhà. - Nhiệm vụ “xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Liên Bang Nga”. (LB Nga) <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung báo cáo. - Soạn bài báo cáo trên powerpoint. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả học tập.</p> <p>HS trình bày báo cáo: xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của LB Nga.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS: nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>GV: nhận xét và chuẩn kiến thức.</p> <p>* GV đặt câu hỏi vận dụng</p> <p>? Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ảnh hưởng gì đến đặc điểm tự nhiên và sự phát</p>	 <p>Hình 8.1. Địa hình và khoáng sản của LB Nga</p>	<p>I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ LÃNH THỔ</p> <p>1. Vị trí địa lí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ tọa độ địa lí: Vĩ độ: $41^{\circ}41' B - 77^{\circ}38' B$; kinh độ $27^{\circ}19' Đ - 170^{\circ}05' T$. + Tiếp giáp: Tiếp giáp: 14 quốc gia, nhiều biên và đại dương. (các đại dương: Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương; các biển: biển Ban Tích, biển Đen, biển Caxpi) <p>2. Phạm vi lãnh thổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Là quốc gia có diện tích lớn nhất trên thế giới: 17,1 triệu km^2 + Nằm trên hai châu lục Á, Âu. + Trải rộng theo chiều Đông – Tây và nằm trên 11 múi giờ. <p>=>Liên Bang Nga có lãnh thổ rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên đa dạng, có sự phân hóa về tự nhiên, thuận lợi cho phát triển kinh tế- xã hội và giao lưu với nhiều nước. Khó khăn quản lí và khai thác lãnh thổ.</p>

triển kinh tế-xã hội của Liên Bang Nga?

HS trả lời:

+ Tích cực: Thiên nhiên phân hóa đa dạng, giao lưu với các nước.

+ Hạn chế: Quản lí và khai thác lãnh thổ.

GV: Nhận xét chuẩn kiến thức.

*** Hoạt động 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên của Liên Bang Nga (20 phút)**

- Mục tiêu:

+ Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội.

+ Rèn luyện kỹ năng khai thác bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.

- Phương pháp: phương pháp dạy học theo nhóm.

- Năng lực hình thành cho học sinh: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Hoạt động của giáo viên và học sinh

Bước 1: chuyên giao nhiệm vụ học tập.

+ GV chia lớp thành các nhóm.

+ GV giao nhiệm vụ của các nhóm

“Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đánh giá được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội”.

+ Phát phiếu học tập.

+ Cung cấp thêm: bản đồ, tranh ảnh và bản số liệu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Nhóm thảo luận,

Nội dung trình chiếu

HOẠT ĐỘNG NHÓM	
CÁCH THỨC	- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm cử 1 nhóm trưởng và 1 thư ký. - HS làm việc nhóm trên phiếu học tập. - GV cung cấp thêm: bản đồ, tranh ảnh, bảng số liệu. - Bác thăm 1 nhóm trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung. - Chăm chéo giữa các nhóm theo quy tắc: 1 → 2 → 3 → 4 → 1. - Công bố điểm các nhóm và treo phiếu học tập về vị trí quy định.
YÊU CẦU	Tư việc nghiên cứu Sách giáo khoa ở kết hợp tài liệu Gv vừa cung cấp thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.
THỜI GIAN	5 phút

Nội dung cần đạt

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

YÊU TỐ	ĐẶC ĐIỂM	DANH GIÁ	
DIỆN TÍCH	<ul style="list-style-type: none"> Phần Tây Đông bằng: Đông Âu, Tây Xibia Núi lớn nhiều không sâu. 	<ul style="list-style-type: none"> Phần Đông Phần lớn núi và cao nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> Thoải lạt Phát triển nông nghiệp: chăn nuôi, trồng trọt. Núi và cao nguyên chiếm nhiều diện tích.
KHOÁNG SẢN	Đa dạng và phong phú: than đá, khí tự nhiên, quặng sắt.	<ul style="list-style-type: none"> Phần trên các ngành CN: luyện kim, khai khoáng... 	Phần bố ở vùng núi.
KHÍ HẬU	<ul style="list-style-type: none"> Nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau. Chỉ yếu là ôn đới: 60% Phần bắc: cận cực: 30% Phần nam: cận nhiệt 10% Phần lưu Đông - Tây 	Phát triển nông nghiệp đa dạng	Khi hậu băng giá chiếm nhiều diện tích.
SÔNG HỒ	<ul style="list-style-type: none"> Có nhiều sông, hồ: Volga, Obi, Lena, Đitxây... Nhiều núi lửa hoạt động như núi lửa gash. Là những sông lớn trên thế giới. 	Phát triển thủy điện (Lena), thủy sản, giao thông vận tải	Đông bằng và miền Đông.
RỪNG	Diện tích rừng đứng đầu thế giới (814 triệu ha). Chủ yếu rừng Taiga.	Khai thác và chế biến lâm sản.	Quần li và bảo vệ rừng.

NHÓM: _____ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN LIÊN BANG NGA TỔNG ĐIỂM: _____

Yêu cầu	ĐẶC ĐIỂM		DANH GIÁ	
	Phần Tây	Phần Đông	Thoải lạt	Khí hậu
Diện tích				
Khoáng sản				
Khí hậu				
Sông, hồ				
Rừng				

thống nhất ý kiến và viết vào phiếu. (5 phút)

Bước 3: Báo cáo kết quả học tập.

+ Bốc thăm báo cáo.
+ Nhóm báo cáo kết quả, các nhóm còn lại theo dõi và quản lí chéo phiếu học tập nhóm bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung và chấm phiếu học tập nhóm bạn.

- GV chuẩn kiến thức.

Câu hỏi vận dụng:
So sánh thuận lợi giữa miền Đông với miền Tây về tự nhiên đối với phát triển kinh tế-xã hội? Giải thích?

HS trả lời: + Miền Tây thuận lợi hơn.

Vì + Miền Tây địa hình chủ yếu là đồng bằng, miền Đông là núi và cao nguyên.


+ Khí hậu: miền Tây mang tính chất ôn đới hải dương, trong khi đó miền Đông khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

- công bố điểm hoạt động nhóm và treo phiếu học tập lên tường.

=> Có tài nguyên thiên nhiên đa dạng và giàu tiềm năng.

Thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế đa dạng. Khó khăn khai thác tổng hợp toàn bộ lãnh thổ.

- * Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm dân cư và xã hội của Liên Bang Nga (10 phút)**
 + Mục tiêu: Phân tích được các đặc điểm dân cư, xã hội và đánh giá ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển kinh tế của Liên Bang Nga.
 + Phương pháp: sử dụng phương tiện trực quan, động não
 + Năng lực hình thành cho học sinh: giải quyết vấn đề, giao tiếp

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung trình chiếu	Nội dung cần đạt
<p>* Tìm hiểu về dân cư (5 phút) Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập. + GV giới thiệu trò chơi “ Ô CỬA BÍ MẬT” + GV đưa ra 5 ô cửa được đánh số 1- 5 đằng sau mỗi ô cửa là 1 bản đồ hoặc bảng số liệu hoặc biểu đồ về 1 đặc điểm dân cư của Liên Bang Nga. Bước 2,3,4: Thực hiện nhiệm vụ học tập, báo cáo nhiệm vụ và đánh giá kết quả. (mỗi ô cửa đều thực hiện lần lượt 3 bước này). GV mở lần lượt các ô cửa, HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, GV đánh giá và chốt kiến thức. - Ô cửa số 1: Bảng số liệu 10 quốc gia có dân số đông nhất năm 2018. Câu hỏi: bảng số liệu này nói lên đặc điểm gì của dân cư Liên Bang Nga? + HS suy nghĩ và nêu đặc điểm. + GV: Chuẩn hóa nội dung và ghi bảng. - Ô cửa số 2: Biểu đồ và tháp dân số, bảng tỉ</p>		<p>III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI 1. Dân cư</p> <p>– Quy mô dân số: là nước đông dân với 143,4 triệu người (2018), đứng thứ 9 thế giới.</p> <p>– Gia tăng dân số: số dân giảm nhất là giai</p>

lệ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn 1991-2018.

Câu hỏi: Biểu đồ và bảng số liệu này nói lên đặc điểm gì của dân cư Liên Bang Nga?

+ HS suy nghĩ và nêu đặc điểm.

+ GV: chuẩn hóa nội dung và ghi bảng.

- **Ô cửa số 3:** Lược đồ phân bố dân cư Liên Bang Nga.

Câu hỏi: từ lược đồ này cho ta biết đặc điểm gì của dân cư Liên Bang Nga?

+ HS suy nghĩ và nêu đặc điểm.

+GV: chuẩn hóa nội dung và ghi bảng.

Câu hỏi vận dụng: Tại sao dân cư của Liên Bang Nga phân bố chủ yếu ở phía Tây?

Vì: địa hình chủ yếu đồng bằng, khí hậu mang tính chất ôn đới hải dương và kinh tế phát triển hơn.

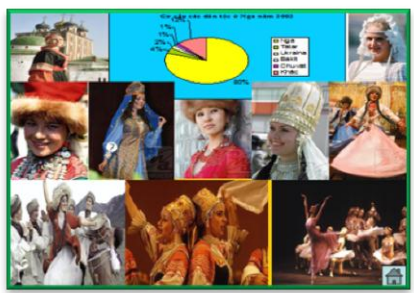
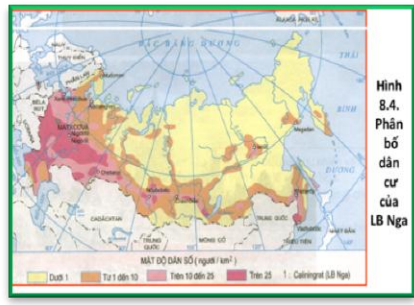
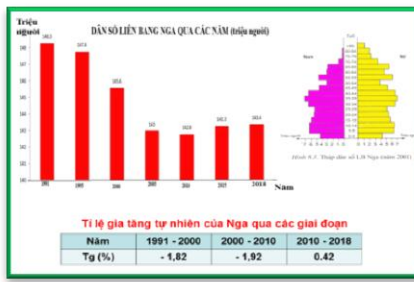
- **Ô cửa số 4:** Hình ảnh các dân tộc của Liên Bang Nga.

Câu hỏi: Hình ảnh này nói lên đặc điểm gì của dân cư LB Nga?

+ HS suy nghĩ và nêu đặc điểm.

+ GV: chuẩn hóa nội dung và ghi bảng.

- **Ô cửa số 5:** Website Bộ giáo dục và khoa học Liên Bang Nga;



đoạn 1991-2010 do tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên âm, nhiều người ra nước ngoài sinh sống. Ngày nay tăng chậm. Chênh lệch giới tính.

- **Mật độ dân số:** có mật độ dân số trung bình thấp (8,4 người/km²), dân cư phân bố tập trung ở phía Tây.

- **Cơ cấu dân tộc:** trên 100 dân tộc, trong đó người Nga chiếm 80%.

- **Cơ cấu thành thị - nông thôn:** Hơn 73.1% dân số sống ở thành phố.

virussia.edu.ru.

Câu hỏi: Hình ảnh này nói lên đặc điểm gì của dân cư LB Nga?

+ HS suy nghĩ và nêu đặc điểm.

+ GV: chuẩn hóa nội dung và ghi bảng.

** Tìm hiểu về xã hội (5 phút).*

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV sau đây các em cùng theo dõi clip về xã hội LB Nga. Yêu cầu: HS theo dõi videoclip, kết hợp SGK và hiểu biết của bản thân trình bày các đặc điểm về xã hội LB Nga.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả học tập.

HS phát biểu nhanh về các đặc điểm về xã hội LB Nga.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn hóa nội dung và ghi bảng.

Câu hỏi vận dụng: qua những đặc điểm về dân cư và xã hội LB Nga, em hãy đánh giá những thuận lợi và khó khăn để phát triển kinh tế- xã hội LB Nga?

HS phát biểu

GV chuẩn kiến thức.

2. Xã hội

- LB Nga là cường quốc về văn hóa và khoa học.
- Trình độ học vấn cao.

*** Đánh giá**

- Thuận lợi: Tiếp thu thành tựu khoa học kỹ thuật thế giới, thu hút đầu tư nước ngoài.
- Khó khăn: Dân số giảm làm tăng nguy cơ thiếu lao động trong tương lai.

2.5.3. Hoạt động củng cố, đánh giá (2 phút)

Như vậy trong thời gian 45 phút các em cùng với thầy chúng ta đã tìm hiểu, nghiên cứu về nước Nga . Bây giờ các em hãy chia sẻ những cảm nhận của các em về nước Nga cho các bạn biết?

Học sinh nói lên cảm nhận:

Đúng như những gì các em đã cảm nhận có lẽ nước Nga luôn sống mãi trong trái tim của người dân Việt Nam.

Một lần nữa kính mời thầy/cô giáo và các em học sinh chúng ta cùng hướng lên màn hình để ngắm nhìn vẻ đẹp của đất nước và con người xứ sở Bạch Dương.



2.5.4. Hoạt động vận dụng, sáng tạo. (1 phút)

1, Tìm các hình ảnh, thông tin về các công trình mang dấu ấn của LB Nga trên đất nước Việt Nam như: nhà máy thủy điện Hòa Bình, cầu Thăng Long, công viên Lê Nin, Bệnh viện hữu nghị Việt Xô,...

2, Trả lời 3 câu hỏi trong SGK Địa lý 11 (trang 66)

3, Chuẩn bị bài mới: Đọc trước bài Liên Bang Nga tiết 2: Kinh tế.

CHƯƠNG III: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc thực nghiệm

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm là một khâu quan trọng nhằm kiểm chứng tính khả thi của đề tài và khả năng áp dụng vào thực tế một cách có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn Địa lí ở nhà trường phổ thông.

3.1.2. Nhiệm vụ của thực nghiệm

Trong phạm vi thời gian và khả năng tiến hành thực nghiệm, tôi tập trung nhằm giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực theo định hướng phát triển năng lực hợp tác vào một bài học cụ thể: Bài 8: Liên Bang Nga – Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội - Địa lí 11.

- Sau bài học, tiến hành bài kiểm tra ngắn 10' theo định hướng phát triển năng lực hợp tác. Rút ra các kết luận và đánh giá tính khả thi của đề tài.

3.2. Tổ chức thực nghiệm

3.2.1. Chọn đối tượng thực nghiệm

Quá trình thực nghiệm của tôi đã tiến hành tại trường THPT Trung Văn ở các lớp tôi đang tiến hành giảng dạy. Tôi đã chọn 2 lớp: 1 lớp đối chứng và 1 lớp thực nghiệm để dạy. Cả hai lớp này có sự tương đồng về sĩ số và chất lượng học sinh và đều dạy cùng một bài.

- + Lớp thực nghiệm 11A10 có số học sinh 45.

- + Lớp đối chứng 11A11 có số học sinh 42.

- Lớp thực nghiệm: sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực kết hợp với việc sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại (máy tính, bảng tương tác thông minh)

- Lớp đối chứng: Sử dụng chủ yếu các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại gợi mở..) và dạy chỉ với phấn trắng, bảng đen.

3.2.2 Kết quả thực nghiệm

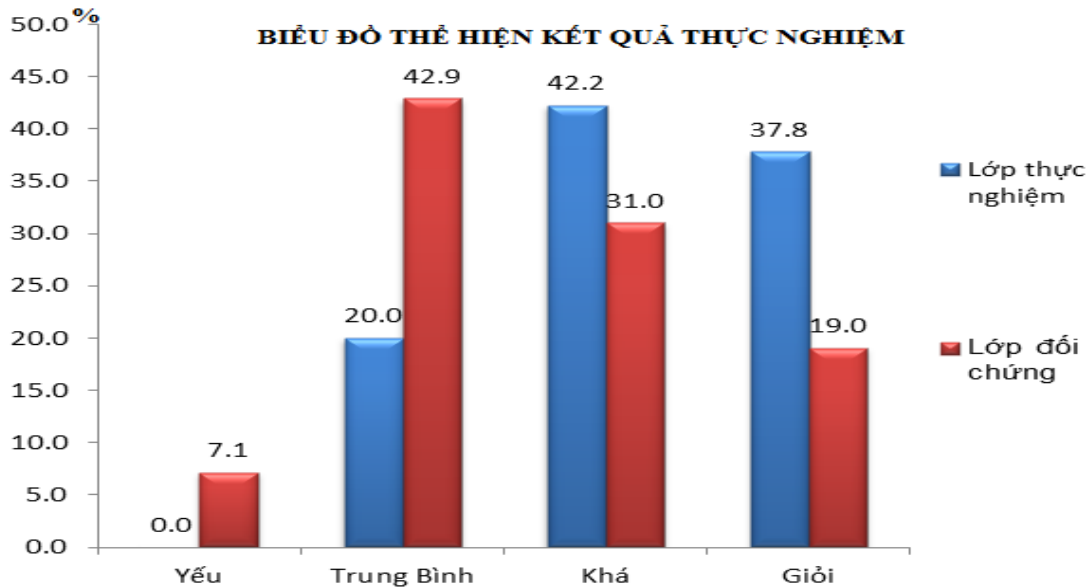
Sau khi dạy tôi đã cho học sinh làm một bài kiểm tra ngắn (thời gian 10 phút) ở cả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Kết quả như sau:

Bảng 1: Phổ điểm lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Lớp		Sĩ số	Điểm										
			0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thực nghiệm	11A10	45	0	0	0	0	0	3	6	19	7	6	4
Đối chứng	11A11	42	0	0	0	1	2	8	10	13	6	1	1

Bảng 2: Tổng hợp kết quả thực nghiệm

Lớp		Số Sĩ số	Kém		Yếu		Trung bình		Khá		Giỏi		TB trở lên	
			Dưới 3.0		Từ 3.0 đến dưới 5.0		Từ 5.0 đến dưới 6.5		Từ 6.5 đến dưới 8.0		Từ 8.0 trở lên		Từ 5.0 trở lên	
Thực nghiệm	11A10	45	0	0	0	0	9	20.0%	19	42.2%	17	37.8%	45	100%
Đối chứng	11A11	42	0	0	3	7.1%	18	42.9%	13	31.0%	8	19.0%	39	92.9%



3.3. Nhận xét kết quả thực nghiệm

Trước tiên, tôi muốn nói về sự chuyển biến phong cách học tập của học sinh khi các em tiếp nhận một sự trải nghiệm đầy thú vị trong chính lớp học của mình. Các em học tập sôi nổi hơn, thảo luận nhiều hơn, hăng hái phát biểu hơn và chú ý vào bài giảng, nhất là những em học sinh không quan tâm nhiều đến bộ môn Địa lí. Với kết quả kiểm tra trên đã chứng minh rằng, ở các lớp thực nghiệm số học sinh đạt tỉ lệ điểm khá và giỏi cao hơn nhiều so với tỉ lệ này ở lớp đối chứng.

PHẦN KẾT LUẬN

1. Ý nghĩa của đề tài

Qua quá trình nghiên cứu, điều tra, thử nghiệm, khảo sát thực tế, thực hiện đề tài tôi đã rút ra nhiều kinh nghiệm hữu ích cho bản thân:

- Giáo viên muốn áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong thiết kế giáo án thì cần hiểu rõ nội dung, cách thức thực hiện, những ưu nhược điểm của từng phương pháp dạy học để có sự lựa chọn tối ưu.

- Trong quá trình thực hiện bài giảng ở các đối tượng khác nhau cần sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, không phải đối tượng HS nào, không phải lớp nào cũng dùng cứng nhắc một vài phương pháp dạy học vì trình độ nhận thức, trình độ tư duy của các em không giống nhau. Giáo viên cần lưu ý rằng không có phương pháp dạy học nào là “vạn năng”, không phải bài học nào cũng lặp đi lặp lại một vài phương pháp dạy học mà người giáo viên cho rằng là ưu việt nhất. Vấn đề là ở chỗ GV phải

nắm vững các phương pháp và kỹ thuật dạy học, có kiến thức Địa lí phong phú, biết cách vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp các phương pháp dạy học vào các bài học, các chủ đề dạy học cụ thể, các đối tượng học sinh khác nhau.

- Không phải bài học nào, phần nào trong bài học cũng chỉ quan tâm sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Có những phần, những nội dung nếu khéo léo sử dụng các phương pháp truyền thống như vấn đáp, đàm thoại... thì hiệu quả lại rất cao. Do đó, để nâng cao hiệu quả dạy học, người giáo viên phải biết sử dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại.

- Mặt khác, để nâng cao hiệu quả phát triển năng lực hợp tác cho HS, GV phải biết “truyền lửa” cho các em, phải hình thành cho các em thái độ và động cơ đúng đắn trước các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn của đất nước và thế giới hiện nay.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các tư liệu cập nhật để bài học trở nên sinh động và có tính thực tiễn cao. Đồng thời qua đó hình thành cho các em kỹ năng nghiên cứu khoa học và kỹ năng tự học suốt đời, kỹ năng hợp tác trong các tình huống thực tế của cuộc sống, đặc biệt tạo ra thế hệ công dân toàn cầu trong thời đại 4.0 hiện nay, tạo điều kiện cho các em tham gia vào thị trường lao động quốc tế khi rời khỏi ghế nhà trường THPT một cách thuận lợi nhất.

2. Kiến nghị, đề xuất

Qua nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn, bằng việc tổ chức thực nghiệm và thu được một số kết quả bước đầu. Mặc dù vậy tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị, đề xuất sau:

❖ Đối với các cơ quan chức năng:

- Về chương trình và sách giáo khoa: SGK Địa lí hiện hành đã có nhiều đổi mới về cả nội dung và hình thức trình bày. Tuy nhiên để hướng vào việc phát triển NLHT cho người học cần cải tiến thêm cấu trúc nội dung SGK theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của HS: bổ sung thêm phần hướng dẫn HS phương pháp học tập bộ môn ở đầu SGK; tăng cường các loại bài tập kích thích tư duy, tính tò mò hay óc sáng tạo của HS.

- Sở giáo dục cần tiến hành các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về mặt lí luận và thực tiễn dạy học, đặc biệt là các lớp tập huấn áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong thời kì bùng nổ thông tin và truyền thông cho các thầy cô giáo ở trường phổ thông.

- Tạo điều kiện tốt nhất về kinh phí, cơ sở vật chất và thời gian để giáo viên có điều kiện tiến hành phương pháp dạy học tích cực theo định hướng phát triển năng lực.

- Nhà trường nên tăng cường các thiết bị, phương tiện dạy học của bộ môn Địa lí một cách đầy đủ và đồng bộ. Đặc biệt phải có các phương tiện dạy học hiện đại (máy chiếu, mạng wifi) để giáo viên dễ dàng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

- Cần quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục phát triển kỹ năng hợp tác cho học sinh, rèn luyện cho các em những kỹ năng hợp tác cơ bản, những hành vi ứng xử thích hợp đối với môi trường sống, làm việc và sinh hoạt nảy sinh trong thực tiễn.

- Cần phải có sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, các cơ quan đoàn thể khác trong việc giáo dục phát triển kỹ năng hợp tác cho HS trong nhà trường THPT.

- Các tổ, nhóm chuyên môn địa lí ở các trường THPT nên thường xuyên thực hiện các chuyên đề, các buổi thảo luận thống nhất giáo án về thiết kế giáo án áp dụng các phương pháp dạy học tích cực ở từng bài học, từng chủ đề cụ thể, từ đó triển khai

sâu rộng trong giáo viên, tránh lối dạy nhồi nhét, cung cấp kiến thức đơn thuần cho học sinh.

❖ **Đối với giáo viên:**

- Mỗi giáo viên cần quan tâm hơn nữa đến việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Cần cố gắng nỗ lực trong việc tự học tự nghiên cứu để trau dồi kiến thức về Địa lí và lựa chọn cho mình những phương pháp dạy học đạt hiệu quả cao.

- Để tiến hành dạy học theo hướng đổi mới có hiệu quả, giáo viên cần chuẩn bị bài ở nhà một cách chu đáo, dự kiến trước các tình huống có thể phát sinh trong quá trình dạy học và có phương án xử lý tình tế, kích thích hứng thú học tập cho HS.

- Cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa các giáo viên để học sinh có thể thực hiện các phương pháp dạy học tích cực một cách hiệu quả. Đồng thời tích cực đổi mới phương pháp dạy học có tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng hợp tác một cách thường xuyên, liên tục, thực chất, tránh đối phó hình thức.

- Thường xuyên trao đổi, thảo luận chuyên môn qua “trường học kết nối”.

Trong quá trình thực hiện đề tài, do trình độ và thời gian nghiên cứu có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi mong nhận được những đóng góp của đồng nghiệp để đề tài hoàn thiện hơn.

PHỤ LỤC

1. THỐNG KÊ CÁC BÀI KIỂM TRA TRƯỚC VÀ SAU KHI THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.

PHỔ ĐIỂM BÀI KIỂM TRA 45 PHÚT HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021-2022

(Trước khi thực hiện đề tài)

Lớp		Số số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Trung bình trở lên	
			SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	SL	%
Đối chứng	11A11	42	12	28.6	22	52.4	6	14.3	2	4.8	0	0.0	40	95.2
Thực nghiệm	11A10	45	18	40.0	22	48.9	5	11.1	0	0.0	0	0.0	45	100.0

PHỔ ĐIỂM BÀI THI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021-2022

(Sau khi thực hiện đề tài)

Lớp		Số số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Trung bình trở lên	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đối chứng	11A11	42	27	64.3	11	26.2	4	9.5	0	0.0	0	0.0	42	100.0
Thực nghiệm	11A10	45	38	84.4	7	15.6	0	0.0	0	0.0	0	0.0	45	100.0

2. BÀI KIỂM TRA 10 PHÚT (sau khi dạy xong bài)

BÀI 8: LIÊN BANG NGA

Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây không phù hợp với lãnh thổ Liên Bang Nga?

A: Có diện tích lớn nhất thế giới.

B: Trải rộng trên hai châu lục.

C: Lãnh thổ trải rộng trên phần lớn đồng bằng Đông Âu.

D: Trải dài trên 9 múi giờ.

Câu 2: Liên Bang Nga trải dài trên bao nhiêu múi giờ?

A: 8

B: 9

C: 10

D: 11

Câu 3: Biển nào sau đây *không* giáp với lãnh thổ Liên Bang Nga?

A: Ca-xpi.

B: A-ran.

C: Biển Đen.

D: Ban – tích.

Câu 4: Diện tích LBN lớn thứ mấy trên thế giới?

A: Nhất. B: Nhì. C: Ba. D: Tư

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với đặc điểm tự nhiên của đồng bằng Tây Xibia Liên Bang Nga?

A: Chủ yếu là đầm lầy. B: Tập trung nhiều khoáng sản.

C: Thuận lợi phát triển nông nghiệp. D: Có nhiều mỏ dầu khí quan trọng.

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với phần lãnh thổ phía đông của Liên Bang Nga?

A: Nhiều núi và cao nguyên. B: Rất thuận lợi phát triển nông nghiệp.

C: Vùng giàu có về khoáng sản. D: Có trữ lượng thủy điện lớn.

Câu 7: Vùng có diện tích đất đai màu mỡ và nơi trồng lương thực lớn của Liên Bang Nga là

A: Đồng bằng Tây Xibia. B: Phần phí Đông lãnh thổ.

C: Phần phía Tây lãnh thổ. D: Cao nguyên trung Xibia.

Câu 8: Sông nào sau đây của Liên Bang Nga **không** đổ ra biển Bắc Băng Dương?

A: Lê-na. B: Ienixay. C: Obi. D: Voonga.

Câu 9: Sông nào sau đây của Liên Bang Nga chảy qua thủ đô Matxcova?

A: Obi. B: Vonga. C: Lena. D: Uran.

Câu 10: Sông nào sau đây của Liên Bang Nga chảy vào biển Caxpi?

A: Vonga. B: Đôn. C: Obi. D: Ienixay.

Câu 11: Loại tài nguyên khoáng sản nào sau đây của Liên Bang Nga có trữ lượng đứng đầu thế giới năm 2004?

A: Dầu mỏ. B: Kim cương. C: Than đá. D: Quặng sắt.

Câu 12: Hơn 80% khí hậu của Liên Bang Nga nằm trong đới khí hậu nào sau đây?

A: Cận cực lạnh giá. B: Ôn đới. C: Cận nhiệt. D: Ôn đới lục địa.

Câu 13: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với xã hội Liên Bang Nga?

A: Là nước đông dân.

B: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp.

C: 80% dân số không phải là người Nga.

D: Nhiều người Nga di cư ra nước ngoài.

Câu 14: Dân cư Liên Bang Nga sống chủ yếu ở

A: Phía Tây lãnh thổ. B: Phía Đông lãnh thổ.

C: Cao nguyên trung Xibia. D: Vung núi Đông Xibia.

Câu 15: Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

A: 11. B: 12. C: 13. D: 14.

Câu 16: Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu nước thuộc Liên Xô cũ?

A: 6. B: 7. C: 8. D: 9.

Câu 17: Đặc điểm xã hội nào sau đây **không** phù hợp với Liên Bang Nga?

A: Có trình độ học vấn cao. B: Giáo dục miễn phí.

C: Độ tuổi bắt buộc đi học là 7-17 tuổi. D: Tỷ lệ biết chữ 90%.

Câu 18: Biết diện tích của Liên Bang Nga là 17100 nghìn km², dân số 143,4 triệu người (2018), vậy mật độ dân số nước này gần

A: 84 người/km².

B: 8,4 người/km

C: 8,4 người/km²

D: 84 người/km

Câu 19: Cho bảng số liệu**Tỉ trọng các khu vực kinh tế của Liên Bang Nga (%)**

Khu vực	1997	1998	1999	2000	2005
KV1	7,0	5,0	7,0	6,0	7,0
KV2	34,4	36,2	35,5	39,0	37,3
KV3	58,6	58,8	57,5	55,0	55,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu tỉ trọng các khu vực kinh tế của Liên Bang Nga là

A: Cột chồng.

B: Tròn.

C: Đường.

D: Miền.

Câu 20: Trình độ học vấn của người dân cao tạo thuận lợi cho Liên Bang Nga

A: thu hút đầu tư nước ngoài.

B: mở rộng thị trường xuất khẩu.

C: hội nhập kinh tế thế giới.

D: xuất khẩu lao động ra các nước.